

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt việc
nuôi con nuôi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vũ Mạnh Cường**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Lộc**.

Ông **Trần Văn Trung**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hà Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 44, ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Tuấn D**, sinh năm 1968 và bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: 19C/4, ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+/*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: H3/022 ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Đặng Thị Th, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 68/3E ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

3. Ông Đặng Thanh T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: 19/4 ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

4. Bà Đặng Thị H1, sinh năm: 1974

Địa chỉ: F3/099 ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

5. Cháu Đặng Nguyễn Cẩm T, sinh năm: 2010

Địa chỉ: 44 ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị Th, bà Đặng Thị H1, bà Đặng Thị M, ông Đặng Văn T, ông Đặng Thanh T là các anh chị em trong gia đình với nhau. Cha mẹ cháu Đặng Nguyễn Cẩm T là ông Đặng Văn T, sinh năm 1964, chết năm 2023 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972, chết năm 2010. Thời điểm mẹ cháu T chết thì cháu T ở với cha là ông Đặng Văn T, do tâm lý đang đau buồn vì vợ mất nên bà Đặng Thị M phụ giúp ông T trong việc chăm sóc cháu T. Bà M phụ ông T chăm sóc cháu T được thời gian đầu, vì lý này cháu T mới được khoảng 01 tháng tuổi. Bà M phụ ông T chăm sóc cháu T đến khi cháu T được 02 tuổi thì không chăm sóc nữa, từ thời điểm này trở đi thì ông T là người trực tiếp chăm sóc cháu T. Đến khi ông T chết (ngày 15/10/2023) thì bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T đến nay. Bà M và ông Phạm Tiến D có quan hệ vợ chồng, sự việc ông D và bà M được cơ quan có thẩm quyền công nhận việc nhận cháu T là con nuôi cụ thể như thế nào thì bà H cùng các anh chị em trong gia đình không biết. Sau này thì bà H mới biết qua việc bà M đưa cho bà H và mọi người trong gia đình về giấy chứng nhận nuôi con nuôi của ông D, bà M đối với cháu T. Tuy nhiên, thời điểm ông D, bà M nhận cháu T là con nuôi thì cha cháu T là ông T còn sống, mục đích của việc ông D, bà M nhận cháu T là con nuôi là để có điều kiện đưa cháu T đi nước ngoài, vì ông D và bà M có con ruột hiện đang ở nước ngoài (ở Mỹ).

Tuy ông D, bà M được cơ quan có thẩm quyền công nhận việc nhận cháu T là con nuôi nhưng ông D, bà M không chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T được ngày nào kể từ ngày ông D, bà M được cơ quan có thẩm quyền công nhận việc nhận cháu T là con nuôi. Lý do ông D, bà M nhận cháu T làm con nuôi là nhằm để thuận lợi và có điều kiện để đưa cháu T đi nước ngoài. Tuy nhiên từ thời gian được nhận cháu T là con nuôi thì ông D, bà M cũng không làm các thủ tục để đưa cháu T đi nước ngoài, hiện ông D, bà M không có nhà cửa ổn định, nợ nần nhiều người không có khả năng chi trả, không có điều kiện kinh tế thu nhập và công việc nên không đảm bảo cho việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T, bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông D, bà M đối với cháu T. Đồng thời cử bà H là người giám hộ và quản lý tài sản cho cháu T đến khi cháu T 18 tuổi.

Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu gì khác, ngày 16/9/2024 bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/- Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng ông D, bà M không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+/ Theo bản tường trình ngày 04/3/2024, ngày 21/5/2024 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Th, bà Đặng Thị T, ông Đặng Thanh T trình bày:

Bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị Th và ông Đặng Thanh T xác định phần trình bày về quan hệ huyết thống của cháu Đặng Nguyễn Cẩm T như nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày là đúng. Bà T, bà Th và ông T là cô chú ruột của cháu T. Ông Đặng Văn T chết ngày 15/10/2023 và bà Nguyễn Thị L chết năm 2010 là cha mẹ ruột của cháu T. Năm 2018 cháu T được ông Phạm Tuấn D và bà Đặng Thị M nhận làm con nuôi để thuận lợi trong việc làm thủ tục đưa cháu T đi nước ngoài. Ngày 13/12/2018 Ủy ban nhân dân xã G đã cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi giữa ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M đối với cháu T. Tuy ông D, bà M là cha mẹ nuôi của cháu T nhưng trên thực tế thì ông T (cha ruột của cháu T) vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Từ thời điểm nhận cháu T làm con nuôi thì ông D, bà M không làm các thủ tục để đưa cháu T đi nước ngoài. Khi ông T chết thì cháu T có nguyện vọng sống với bà H nên bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và lo cho cháu T ăn học đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu T cũng như bảo đảm sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu T cho đến nay. Hiện nay ông D, bà M không có nhà cửa ổn định, không có việc làm, thu nhập và nợ nần nhiều người không có khả năng chi trả nên không có điều kiện để nuôi dưỡng cháu T. Trong khi đó bà H có đầy đủ điều kiện về kinh tế các điều kiện khác để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu T. Đồng thời cháu T vẫn tiếp tục có nguyện vọng được sống với bà H. Do đó bà T, bà Th và ông T đồng ý thống nhất với yêu cầu của bà H. Bà Th, bà T và ông T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M đối với cháu T. Cử bà H là người quản lý tài sản cho cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ngoài các ý kiến, yêu cầu đã trình bày thì bà T, bà Th và ông T không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác. Ngày 24/9/2024 bà T, bà Th và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Theo bản tường trình ngày 19/02/2024 và các lời khai tiếp theo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Đặng Nguyễn Cẩm T trình bày:

Em T là con của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị L, cha mẹ em đã chết, hiện em đang sống với cô ruột của em là bà Đặng Thị H, em đang học lớp 8 trường Trung học cơ sở N tại xã G, huyện Thống Nhất. Do ông Phạm Tuấn D và bà Đặng Thị M không có thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc em, bà H là người trực tiếp trông nom chăm sóc và nuôi dưỡng em từ khi cha mẹ chết đến nay, bà H hiểu và biết được tính nết của em trong việc ăn học và sinh hoạt hằng ngày nên em có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cô H. Em đồng ý với yêu cầu của cô H về việc yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị

M với em và đồng ý cử bà H là người trực tiếp giám hộ, quản lý tài sản cho em đến khi em đủ 18 tuổi.

Ngoài ra em T không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác. Ngày 24/9/2024 em T có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/- Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập họp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng bà H1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các đương sự khác.

+/- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Việc xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu T, bà T, bà Th, ông T có cơ sở xác định sau khi nhận cháu T làm con nuôi thì ông D, bà M không có thời gian nào chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Mục đích ông D, bà M nhận cháu T làm con nuôi không phải là để nuôi dưỡng và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu T trong cuộc sống mà mục đích là để thuận lợi cho việc làm thủ tục đưa cháu T đi nước ngoài (Mỹ). Trên thực tế bà H mới là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cháu T ăn học từ khi ông T cha cháu T chết đến nay. Bà H khởi kiện đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Để bảo đảm sự phát triển về thể chất, tinh thần, sự ổn định trong cuộc sống, sinh hoạt và việc ăn học của cháu T. Căn cứ Điều 14, 25, 26, 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024 cho nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn

và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu T, bà T, bà Th và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M với cháu Đặng Nguyễn Cẩm T nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M có nơi cư trú tại số 19C/4, ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Đặng Thị H là nguyên đơn; ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M là bị đơn; bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị Th, bà Đặng Thị H1, ông Đặng Thanh T và cháu Đặng Nguyễn Cẩm T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 78 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 14, 25, 26, 27 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 47, 48, 49, 52, 59 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 61/2023/AL được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

[6] Về đường lối giải quyết: Xét yêu cầu của bà H thì thấy, về pháp luật, căn cứ quy định tại Điều 47, 48, 49 và khoản 3 Điều 52 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Đặng Thị H là người giám hộ đương nhiên của cháu T. Để thuận tiện cho việc làm các thủ tục đưa cháu Đặng Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 16/9/2010 đi Mỹ, vợ chồng ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M (bà M là cô ruột cháu T) cùng ông Đặng Văn T thống nhất để ông D, bà M nhận cháu T là con đẻ của ông Đặng Văn T sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 chết ngày 15/11/2010 làm con nuôi. Việc nuôi con nuôi đã được sự đồng ý của bên cho làm con nuôi, bên nhận nuôi con nuôi và con nuôi và đã được làm thủ tục hợp pháp tại UBND xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định của pháp luật vào thời điểm nhận nuôi con nuôi, được thể hiện tại các chứng cứ: Lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi của UBND xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai số 02, quyển 01/2018, ngày 13/12/2018 và hồ sơ đăng ký con nuôi do UBND xã G cung cấp (BL 13, 41, 49, 60, 61, 62, 63, 70, 73 đến 104).

Sau khi làm thủ tục nuôi con nuôi cháu T không sinh sống với cha mẹ nuôi là ông D, bà M mà vẫn ở cùng cha đẻ là ông T. Ngày 15/10/2023 ông T chết thì bà Đặng Thị H em ruột ông T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cháu T trong việc ăn học từ đó cho đến nay. Điều này được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu T, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị Th, ông Đặng Thanh T là cô chú ruột của cháu T thừa nhận và phù hợp với xác minh của Tòa án tại Ban áp P, xã G, trường Trung học cơ sở N nơi cháu T đang theo học (BL 59, 60, 61, 112, 113).

Về thực tế, vợ chồng ông D, bà M không có chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T được ngày nào kể từ ngày ông D, bà M được cơ quan có thẩm quyền công nhận việc nhận cháu T là con nuôi. Đồng thời, từ thời gian nhận cháu T làm con nuôi thì ông D, bà M cũng không làm bất kỳ thủ tục gì để đưa cháu T đi nước ngoài. Hiện ông D, bà M có nơi cư trú không ổn định, đang nợ nần nhiều người, không có khả năng chi trả, không có điều kiện kinh tế thu nhập và công việc ổn định nên không đảm bảo cho việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Nội dung này phù hợp với xác nhận của bà T, bà Th, ông T và Công an xã G, huyện Thống Nhất (BL 61, 114). Như vậy, có cơ sở xác định ông D, bà M không đủ điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi theo điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi quy định: “c) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi”

Do không sống cùng cha mẹ nuôi nên con nuôi Đặng Nguyễn Cẩm T không có công lao đóng góp gì vào khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi. Tại thời điểm bà H có yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi thì cháu T chưa thành niên, áp dụng Án lệ số 61/2023/AL được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao việc Tòa án chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là cần thiết. Bởi lẽ, lý do, mục đích của việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là để cháu Đặng Nguyễn Cẩm T được sinh sống ổn định với cô ruột của mình là bà Đặng Thị H, đảm bảo tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển của cháu T và thực tế cháu T đã được bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng lo cho ăn học từ thời điểm ông T là cha đẻ của cháu T chết đến nay. Nhất là khi cháu T không hòa hợp với gia đình nuôi, ông D, bà M không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T tốt bằng bà H (cô ruột cháu T) là người đang trực tiếp nuôi cháu T.

Từ các nhận định trên căn cứ vào Điều 14, khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 47, 48, 49, khoản 3 Điều 52, Điều 59 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Án lệ số 61/2023/AL xét thấy, yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Đặng Thị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bà Đặng Thị H có yêu cầu được quản lý tài sản của cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, nội dung này được bà Th, bà T, ông T và cháu T đồng ý. Điều này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 59 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu của bà H.

[7] Xét ý kiến, yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu T, bà Th, bà T và ông T là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

[9] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 78 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 14, 25, 26, 27 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 47, 48, 49, 52, 59 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 61/2023/AL được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí.

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” với ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M.

[2.2] Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Phạm Tuấn D, bà Đặng Thị M với cháu Đặng Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 16/9/2010 (theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 02, quyền 01/2018 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai).

[2.3] Quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày bản án về chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Bà Đặng Thị H có trách nhiệm quản lý tài sản của cháu Đặng Nguyễn Cẩm T (nếu có) theo quy định tại Điều 59 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0002487 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND H. Thống Nhất;
 - CCTHADS H. Thống Nhất;
 - UBND xã Gia Tân 2, H. Thống Nhất
- (Giấy CN nuôi con nuôi số 02, quyền 01/2018 ngày 13/12/2018);
- Các đương sự;
 - Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Cường

